TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/KDTM-PT
Ngày: 03-12-2021
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Công Đường

Các Thẩm phán: Ông Phạm Đình Thanh

Ông Võ Đình Phương

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Ánh Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Phan Quang Huy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 02 và 03 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 04/2021/TLPT-KDTM ngày 30 tháng 6 năm 2021 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*".

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2021/KDTM-ST ngày 27 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐXX-PT ngày 12 tháng 10 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2021/QĐ-PT ngày 11/11/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng P

Địa chỉ: Số 25A C, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thế G, sinh năm 1965. Có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH Một thành viên Đóng tàu C

Địa chỉ: Km 3 Quốc lộ 1, phường P, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Quang S, sinh năm 1981. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1) Tổng Công ty Công nghiệp T; địa chỉ: 172 Kh, phường V, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Mai H; Có mặt.

2) Công ty Tài chính TNHH Một thành viên C; địa chỉ: Số 120 H, quận K, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thu T; Có mặt.

3) Công ty TNHH Một thành viên Công nghiệp T N; địa chỉ: Số 01 T, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Tạ Văn Sơn N; Vắng mặt.

- *Người kháng cáo:*

1) Tổng Công ty Công nghiệp T; địa chỉ: 172 N, phường G, quận B, Thành phố Hà Nội.

2) Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Công nghiệp T; địa chỉ: Số 120 H, quận K, Thành phố Hà Nội.

- *Người kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

A. Quá trình vay vốn như sau:

Dự án "Nâng cao năng lực sản xuất Nhà máy đóng tàu (NMĐT) C" và dự án "Xây dựng NMĐT C (giai đoạn 1) thuộc dự án đầu tư xây dựng NMĐT Nha Trang (giai đoạn 2)" do Công ty Công nghiệp T Nha Trang làm chủ đầu tư, được vay vốn tín dụng đầu tư tại Ngân hàng P (NHPT) theo các Hợp đồng tín dụng (HĐTD) số 01/2009/HĐTDĐT-NHPT ngày 16/6/2009 và số 02/2009/HĐTDĐT-NHPT ngày 16/6/2009. Các khoản vay được Công ty TNHH MTV Đóng tàu C kế thừa nhận nợ theo Hợp đồng kế thừa quyền và nghĩa vụ số 01/2009/HĐKT01-NHPT-KHO ngày 22/12/2014. Nội dung như sau:

I. Các HĐTD đã ký kết:

1. Dự án Nâng cao năng lực sản xuất NMĐT C:

- HĐTD số 01/2009/HĐTDĐT-NHPT ngày 16/6/2009;

- Hợp đồng sửa đổi HĐTD số 01/2009/HĐTDĐT-NHPT-ĐC1 ngày 31/12/2010.

- Hợp đồng kế thừa quyền và nghĩa vụ số 01/2009/HĐKT01-NHPT-KHO ngày 22/12/2014.

- Hợp đồng sửa đổi, bổ sung HĐTD số 01/2009/HĐTDĐT-NHPT-ĐC2 ngày 24/4/2015.

- Hợp đồng sửa đổi, bổ sung HĐTD số 01/2009/HĐTDĐT-NHPT-ĐC3 ngày 23/9/2015.

Một số nội dung chính của hợp đồng tín dụng:

- Số tiền vay/giải ngân: 66.653.000.000 đồng.

- Mục đích sử dụng vốn vay: Đầu tư hạng mục cẩu chân đế 120T (01 bộ) và cổng trục 60T (04 bộ).

- Lãi suất cho vay: 6,9%/tháng; lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn.

- Thời hạn vay vốn là 156 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu (không tính thời gian khoanh nợ).

- Thời gian trả nợ gốc: 10 năm 7 tháng (từ ngày 01/12/2018 đến 30/6/2029).

- Trả nợ gốc (theo Hợp đồng sửa đổi, bổ sung HĐTD số 01/2009/HĐTDĐT-NHPT-ĐC2 ngày 24/4/2015) như sau:

+ Từ tháng 12/2018 đến tháng 12/2023: 500.000.000 đồng/tháng

+ Từ tháng 01/2024 đến tháng 05/2029: 550.000.000 đồng/tháng

+ Tháng 6/2029: 403.000.000 đồng.

- Trả nợ lãi (theo Hợp đồng sửa đổi, bổ sung HĐTD số 01/2009/HĐTDĐT-NHPT-ĐC2 ngày 24/4/2015): Bắt đầu tính lãi từ ngày 01/12/2018.

- Tài sản bảo đảm: Tài sản hình thành từ vốn vay và bảo đảm bằng bảo lãnh của Tập đoàn Công nghiệp T Việt Nam (nay là Tổng Công ty Công nghiệp T).

- Đến nay, dù nguyên đơn đã có các Công văn số 93/NHPT.KHO-NTH-TD và 94/NHPT.KHO-NTH-TD ngày 18/4/2019 yêu cầu bị đơn trả nợ trước hạn toàn bộ số dư nợ còn lại (do bị đơn vi phạm khoản 1 Điều 8 của Hợp đồng tín dụng số 01/2009/HĐTDĐT-NHPT đã ký ngày 16/6/2009) và yêu cầu Tổng Công ty Công nghiệp T thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, nhưng bị đơn không trả nợ và Tổng Công ty Công nghiệp T cũng không thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo các chứng thư bảo lãnh đã ký.

2. Dự án Xây dựng NMĐT C (giai đoạn 1) thuộc dự án Đầu tư xây dựng NMĐT Nha Trang (giai đoạn 2):

- HĐTD số 02/2009/HĐTDĐT-NHPT ngày 16/6/2009;

- Hợp đồng sửa đổi Hợp đồng vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước số 02/2009/HĐTDĐT-NHPT-ĐC1 ngày 31/12/2010;

- Hợp đồng kế thừa quyền và nghĩa vụ số 01/2009/HĐKT01-NHPT-KHO ngày 22/12/2014;

- Hợp đồng sửa đổi, bổ sung HĐTD số 02/2009/HĐTDĐT-NHPT-ĐC2 ngày 24/4/2015;

- Hợp đồng sửa đổi, bổ sung HĐTD số 02/2009/HĐTDĐT-NHPT-ĐC3 ngày 23/9/2015.

Một số nội dung chính của hợp đồng tín dụng:

- Số tiền vay/giải ngân: 11.130.000.000 đồng.

- Mục đích sử dụng vốn vay: Đầu tư hạng mục cẩu chân đế 50T (01 bộ).

- Thời hạn vay vốn là 156 tháng, kể từ ngày rút vốn lần đầu (không tính thời gian khoanh nợ).

- Thời gian trả nợ gốc: 10 năm 7 tháng (từ ngày 01/12/2018 đến 30/6/2029).

- Lãi suất cho vay: 6,9%/tháng; lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn.

- Trả nợ gốc (theo Hợp đồng sửa đổi, bổ sung HĐTD số 02/2009/HĐTDĐT-NHPT-ĐC2 ngày 24/4/2015) như sau:

+ Từ tháng 12/2018 đến tháng 12/2025: 80.000.000 đồng/tháng

+ Từ tháng 01/2026 đến tháng 05/2029: 100.000.000 đồng/tháng

+ Tháng 6/2029: 230.000.000 đồng.

- Trả nợ lãi (theo Hợp đồng sửa đổi, bổ sung HĐTD số 02/2009/HĐTDĐT-NHPT-ĐC2 ngày 24/4/2015): bắt đầu tính lãi từ ngày 01/12/2018.

- Tài sản bảo đảm: Tài sản hình thành từ vốn vay và bảo đảm bằng bảo lãnh của Tập đoàn Công nghiệp T Việt Nam (nay là Tổng Công ty Công nghiệp T).

- Đến nay, dù nguyên đơn đã có các công văn số 93/NHPT.KHO-NTH-TD và 94/NHPT.KHO-NTH-TD ngày 18/4/2019 yêu cầu bị đơn trả nợ trước hạn toàn bộ số dư nợ còn lại (do bị đơn vi phạm khoản 1 Điều 8 của Hợp đồng tín dụng số 02/2009/HĐTDĐT-NHPT đã ký ngày 16/6/2009) và yêu cầu Tổng Công ty Công nghiệp T thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, nhưng bị đơn không trả nợ và Tổng Công ty Công nghiệp T cũng không thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo các chứng thư bảo lãnh đã ký.

II. Tình hình bảo đảm thực hiện Hợp đồng:

1. Dự án Nâng cao năng lực sản xuất NMĐT C (HĐTD số 01/2009/HĐTDĐT-NHPT ngày 16/6/2009):

1.1. Tài sản hình thành từ vốn vay:

- Các Hợp đồng bảo đảm tiền vay đã ký:

+ Hợp đồng thế chấp tài sản (HĐTCTS) số 01/2009/HĐTCTS-NHPT ngày 16/6/2009 ký giữa Chi nhánh Ngân hàng P Khánh Hòa (nay là Chi nhánh Ngân hàng Pkhu vực Khánh Hòa – Ninh Thuận) và Công ty Công nghiệp T Nha Trang (nay được kế thừa bởi bị đơn): Sử dụng toàn bộ tài sản đã được hình thành từ vốn vay gồm cẩu chân đế 120T (01 bộ) và cổng trục (04 bộ) thuộc dự án Nâng cao năng lực sản xuất NMĐT C để đảm bảo cho toàn bộ nghĩa vụ trả nợ phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 01/2009/HĐTDĐT-NHPT ngày 16/6/2009;

+ Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2009/HĐTCTS-NHPT-SĐ1 ngày 22/12/2014;

+ Hợp đồng kế thừa quyền và nghĩa vụ số 01/2009/HĐKT01-NHPT-KHO ngày 22/12/2014 (bổ sung trách nhiệm của Tổng Công ty Công nghiệp T: "Trường hợp Bên vay không thực hiện trả nợ đầy đủ cho Bên cho vay, Tổng Công ty Công nghiệp T có trách nhiệm trả nợ thay cho Bên vay đúng cam kết tại Chứng thư bảo lãnh số 1338.1/BL-CNT-TCKT ngày 16/6/2009; số 1341.1/BL-CNT-TCKT ngày

16/6/2009 và công văn số 3364/CNT-TCKT ngày 03/12/2014 của Tổng Công ty Công nghiệp T, về việc điều chỉnh đơn vị được bảo lãnh.")

- Hồ sơ tài sản: Các Hóa đơn Giá trị gia tăng số 0080947 ngày 25/01/2008, số 0080971 ngày 22/12/2008.

- Đăng ký giao dịch bảo đảm (ĐKGDBĐ):

+ Đơn yêu cầu ĐKGDBĐ số CB09000971BD, xác nhận ngày 08/7/2009.

+ Giấy chứng nhận ĐKGDBĐ, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án số CF14005536BD ngày 26/12/2014.

+ Giấy chứng nhận ĐKGDBĐ, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án số CE15031775BD ngày 22/7/2015.

1.2. Tài sản bảo đảm khác của bên vay:

- Hồ sơ tài sản bảo đảm: Chứng thư bảo lãnh số 1338.1/BL-CNT-TCKT ngày 16/6/2009 của Tập đoàn Công nghiệp T Việt Nam; Công văn số 3364/CNT-TCKT ngày 03/12/2014 của Tổng Công ty Công nghiệp T, về việc điều chỉnh đơn vị được bảo lãnh.

- Mô tả Chứng thư bảo lãnh:

+ Số tiền được bảo lãnh vay (nợ gốc) tối đa là 66.653.000.000 đồng với lãi suất 6,9%/năm.

+ Thời hạn bảo lãnh: kể từ ngày 16/6/2009 đến ngày Hợp đồng tín dụng số 01/2009/HĐTDĐT-NHPT ngày 16/6/2009 chấm dứt.

+ Nội dung cam kết của bên bảo lãnh: "Ngay khi nhận được thông báo của NHPT về việc Công ty TNHH MTV Đóng tàu C (trước đây là Công ty Công nghiệp T Nha Trang) không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Tổng Công ty CNTT (trước đây là Tập đoàn CNTT Việt Nam) sẽ trả thay cho Công ty toàn bộ số tiền Công ty TNHH MTV Đóng tàu C phải trả NHPT nhưng chưa trả theo HĐTD đã ký".

+ Bảo lãnh của Tổng Công ty Công nghiệp T là văn bản không hủy ngang và được thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Dự án Xây dựng NMĐT C (giai đoạn 1) thuộc dự án Đầu tư xây dựng NMĐT Nha Trang (giai đoạn 2): HĐTD số 02/2009/HĐTDĐT-NHPT ngày 16/6/2009:

2.1. Tài sản hình thành từ vốn vay:

- Các Hợp đồng bảo đảm tiền vay đã ký:

+ Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2009/HĐTCTS-NHPT ký ngày 16/6/2009 giữa Chi nhánh Ngân hàng P Khánh Hòa (nay là Chi nhánh Ngân hàng Pkhu vực Khánh Hòa – Ninh Thuận) và Công ty Công nghiệp T Nha Trang (nay được kế thừa bởi bị đơn): Sử dụng toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay gồm cẩu chân đế 50T (01 bộ) thuộc dự án Xây dựng NMĐT C (giai đoạn 1) thuộc dự án Đầu tư xây dựng NMĐT Nha Trang (giai đoạn 2) để đảm bảo cho toàn bộ nghĩa vụ trả nợ phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 02/2009/HĐTDĐT-NHPT ngày 16/6/2009.

+ Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2009/HĐTCTS-NHPT-SĐ1 ngày 22/12/2014;

+ Hợp đồng kế thừa quyền và nghĩa vụ số 01/2009/HĐKT01-NHPT-KHO ngày 22/12/2014 (ký chung để kế thừa quyền và nghĩa vụ các Hợp đồng đã có với Công ty Công nghiệp T Nha Trang và bổ sung trách nhiệm của Tổng Công ty Công nghiệp T như mô tả ở trên).

- Hồ sơ tài sản: Hóa đơn số 0080972 ngày 22/12/2008.

- Đăng ký giao dịch bảo đảm:

+ Đơn yêu cầu ĐKGDBĐ số CB09000972BD, xác nhận ngày 08/7/2009;

+ Giấy chứng nhận ĐKGDBĐ, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án số CF14005537BD ngày 26/12/2014;

+ Giấy chứng nhận ĐKGDBĐ, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án số CE15031777BD ngày 22/7/2015.

2.2. Tài sản bảo đảm khác của bên vay:

- Hồ sơ tài sản bảo đảm: Chứng thư bảo lãnh số 1341.1/BL-CNT-TCKT ngày 16/6/2009 của Tập đoàn Công nghiệp T Việt Nam; Công văn số 3364/CNT-TCKT ngày 03/12/2014 của Tổng Công ty CNTT, về việc điều chỉnh đơn vị được bảo lãnh.

- Mô tả chi tiết Chứng thư bảo lãnh:

+ Số tiền được bảo lãnh vay (nợ gốc) tối đa là 11.130.000.000 đồng với lãi suất 6,9%/năm.

+ Thời hạn bảo lãnh: kể từ ngày 16/6/2009 đến ngày Hợp đồng tín dụng số 02/2009/HĐTDĐT-NHPT ngày 16/6/2009 chấm dứt.

+ Nội dung cam kết của Bên bảo lãnh: "Ngay khi nhận được thông báo của NHPT về việc Công ty TNHH MTV Đóng tàu C (trước đây là Công ty Công nghiệp T Nha Trang) không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Tổng Công ty CNTT (trước đây là Tập đoàn Công nghiệp T Việt Nam) sẽ trả thay cho Công ty toàn bộ số tiền Công ty TNHH MTV Đóng tàu C phải trả NHPT nhưng chưa trả theo HĐTD đã ký".

+ Bảo lãnh của Tổng Công ty Công nghiệp T là văn bản không hủy ngang và được thực hiện theo quy định của pháp luật.

III. Quá trình vay vốn, trả nợ vốn vay theo hợp đồng tín dụng:

1. Về giải ngân:

Tổng số tiền đã giải ngân: 77.783.000.000 đồng, trong đó:

+ Dự án Nâng cao năng lực sản xuất NMĐT C (HĐTD số 01/2009/HĐTDĐT-NHPT ngày 16/6/2009): 66.653.000.000 đồng;

+ Dự án Xây dựng NMĐT C (giai đoạn 1) thuộc dự án Đầu tư xây dựng NMĐT Nha Trang (giai đoạn 2) (HĐTD số 02/2009/HĐTDĐT-NHPT ngày 16/6/2009): 11.130.000.000 đồng.

2. Về thu nợ:

Từ khi giải ngân cho vay (ngày 20/7/2009) đến ngày 20/6/2019 chỉ thu được cả 02 dự án tổng số tiền 200.000.000 đồng lãi vay, trong đó:

+ Dự án Nâng cao năng lực sản xuất NMĐT C: 131.736.000 đồng.

+ Dự án Xây dựng NMĐT C (giai đoạn 1) thuộc dự án Đầu tư xây dựng NMĐT Nha Trang (giai đoạn 2): 68.264.000 đồng.

Ngân hàng P đã nhiều lần tạo điều kiện như: gia hạn nợ, khoanh nợ, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ và sau nhiều lần đôn đốc thu nợ nhưng đến nay vẫn không có kết quả và Bên vay tiếp tục vi phạm hợp đồng tín dụng.

Ngân hàng cũng đã có các công văn yêu cầu Tổng Công ty Công nghiệp T trả nợ thay theo các chứng thư bảo lãnh, tuy nhiên đến nay Tổng Công ty Công nghiệp T vẫn chưa thanh toán các khoản nợ theo quy định.

Tổng dư nợ (gốc và lãi) tính đến ngày 20/5/2019 là 80.481.965.583 đồng hiện đã quá hạn (trong đó: Nợ gốc: 77.783.000.000 đồng, Nợ lãi: 2.698.965.583 đồng). Các khoản vay đang bị phân loại nợ xấu nhóm 5. Cụ thể nợ quá hạn của từng dự án như sau:

+ Dự án Nâng cao năng lực sản xuất NMĐT C (HĐTD số 01/2009/HĐTDĐT-NHPT ngày 16/6/2009): 68.965.870.975đồng, trong đó nợ gốc: 66.653.000.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày 20/5/2019: 2.312.870.975 đồng.

+ Dự án Xây dựng NMĐT C (giai đoạn 1) thuộc dự án Đầu tư xây dựng NMĐT Nha Trang (giai đoạn 2) (HĐTD số 02/2009/HĐTDĐT-NHPT ngày 16/6/2009): 11.516.094.608 đồng, trong đó nợ gốc: 11.130.000.000 đồng và nợ lãi tính ngày 20/5/2019: 386.094.608 đồng.

Như vậy, việc đòi nợ của Ngân hàng P không có kết quả. Bị đơn và Tổng Công ty Công nghiệp T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã ký kết trong các Hợp đồng tín dụng và chứng thư bảo lãnh với Ngân hàng P Việt Nam.

B. Nội dung yêu cầu:

Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bên cho vay, Ngân hàng P đề nghị Tòa án xem xét đưa vụ án ra xét xử và yêu cầu bị đơn:

1. Thanh toán ngay cho Ngân hàng P số tiền nợ tính đến ngày 20/4/2021 là: 98.165.500.034 đồng (Bằng chữ: Chín mươi tám tỷ một trăm sáu mươi lăm triệu năm trăm ngàn không trăm ba mươi bốn đồng); trong đó nợ gốc: 77.783.000.000 đồng, nợ lãi: 20.382.500.034 đồng.

Đồng thời phải thanh toán các khoản lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi Công ty TNHH MTV Đóng tàu C và Tổng Công ty Công nghiệp T hoàn thành xong nghĩa vụ trả nợ với lãi suất theo các hợp đồng tín dụng đã ký.

2. Nếu bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, đề nghị Tòa án:

2.1. Cho kê biên, phát mãi các tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ bao gồm:

- Cẩu chân đế 120T (01 bộ) và cổng trục (04 bộ) thuộc dự án Nâng cao năng lực sản xuất NMĐT C.

- Cẩu chân đế 50T (01 bộ) thuộc dự án Xây dựng NMĐT C (giai đoạn 1) thuộc dự án Đầu tư xây dựng NMĐT Nha Trang (giai đoạn 2).

2.2. Trường hợp tài sản thế chấp không đủ để thu hồi nợ thì yêu cầu Tổng Công ty Công nghiệp T trả nợ thay cho bị đơn số tiền còn thiếu theo nghĩa vụ bảo lãnh tại các Chứng thư bảo lãnh số 1338.1/BL-CNT-TCKT; số 1341.1/BL-CNT-TCKT ngày 16/6/2009 và công văn số 3364/CNT-TCKT ngày 03/12/2014 về việc điều chỉnh đơn vị được bảo lãnh và có nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty TNHH MTV Đóng tàu C đối với toàn bộ nợ (gốc + lãi) của các hợp đồng tín dụng theo quy định tại các chứng thư bảo lãnh đã ký.

2.3. Công ty TNHH MTV Đóng tàu C có nghĩa vụ thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng PViệt Nam, nếu Công ty TNHH MTV Đóng tàu C không trả được nợ thì phát mãi tài sản đã thế chấp, trong trường hợp tài sản thế chấp không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Tổng Công ty Công nghiệp T sẽ có trách nhiệm trả nợ thay số tiền còn thiếu. Không đồng ý với trình bày của đại diện Tổng Công ty Công nghiệp T về việc chỉ đồng ý nghĩa vụ bảo lãnh đối với số tiền gốc là 77.783.000.000 đồng mà không đồng ý trả nợ thay đối với số tiền lãi vì theo các chứng thư bảo lãnh đã ký kết thì Tổng Công ty Công nghiệp T có nghĩa vụ "trả thay cho Công ty Công nghiệp T Nha Trang toàn bộ số tiền Công ty Công nghiệp T Nha Trang phải trả NHPT nhưng chưa trả theo Hợp đồng đã ký".

Tại các bản tự khai, bản trình bày và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày:

Thống nhất trình bày của nguyên đơn về quá trình ký kết, thực hiện các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp, chứng thư bảo lãnh. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thống nhất số tiền nợ gốc và lãi. Thừa nhận bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền tính đến ngày 20/4/2021 là: 98.165.500.034 đồng (Bằng chữ: Chín mươi tám tỷ, một trăm sáu mươi lăm triệu, năm trăm ngàn, không trăm ba mươi bốn đồng); trong đó nợ gốc: 77.783.000.000 đồng, nợ lãi: 20.382.500.034 đồng.

Đồng ý việc xử lý tài sản thế chấp và nghĩa vụ bảo lãnh của Tổng Công ty Công nghiệp T theo các chứng thư bảo lãnh. Thống nhất với nội dung: Công ty TNHH MTV Đóng tàu C có nghĩa vụ thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng PViệt Nam, nếu Công ty TNHH MTV Đóng tàu C không trả được nợ thì phát mãi tài sản đã thế chấp, trong trường hợp tài sản thế chấp không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Tổng Công ty Công nghiệp T sẽ có trách nhiệm trả nợ thay số tiền còn thiếu.

Vấn đề khác liên quan đến tài sản thế chấp: Đối với Cần cẩu chân đế 120T và 04 cổng trục 60T thuộc dự án Nâng cao năng lực sản xuất nhà máy đóng tàu C. Qua kiểm tra thực tế về tình hình thế chấp tài sản tại Công ty thì có 02 cổng trục 60T (chiếc số 1 và chiếc số 2) ngoài việc thế chấp cho khoản vay trên tại Ngân hàng P Việt Nam, được thấy hồ sơ lưu tại Công ty thể hiện, tài sản còn đang thế chấp cho khoản vay tại Công ty Tài chính TNHH MTV công nghiệp T (VFC) mà Công ty công nghiệp T Nha Trang trước đây là Công ty mẹ của Công ty TNHH MTV đóng tàu C (nay là Công ty TNHH MTV công nghiệp T Nha Trang là đơn vị

thành viên của Tổng công ty) đã vay trước đây để thanh toán cho 02 cổng trục 60T theo hợp đồng thế chấp tài sản số 367-TCTS ngày 06/03/2018 và phụ lục hợp đồng thế chấp tài sản số 01-367/TCTS ngày 14/7/2010; phụ lục số 02-367/TCTS ngày 26/09/2011. Số tiền VFC giải ngân thanh toán cho 02 cổng trục 60T là: 10.000.000.000 đồng. Việc thế chấp này đã được VFC kê khai đăng ký giao dịch đảm bảo số AT08005423BD ngày 19/06/2008 và số AT10018243BD ngày 23/12/2010 và đăng ký thay đổi tài sản thế chấp theo đơn số AT11012894BD ngày 04/10/2011. Đến thời điểm hiện tại giữa VFC và Công ty TNHH MTV đóng tàu C chưa ký lại hợp đồng thế chấp.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tổng Công ty Công nghiệp T trình bày:***

Thống nhất về quá trình ký kết và thực hiện hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp giữa nguyên đơn và bị đơn. Đề nghị Tòa án xét xử theo quy định pháp luật.

Thống nhất với nguyên đơn và bị đơn về việc Công ty TNHH MTV Đóng tàu C có nghĩa vụ thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng PViệt Nam, nếu Công ty TNHH MTV Đóng tàu C không trả được nợ thì phát mãi tài sản đã thế chấp, trong trường hợp tài sản thế chấp không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Tổng Công ty Công nghiệp T sẽ có trách nhiệm trả nợ thay số tiền còn thiếu. Tuy nhiên, Đối với nghĩa vụ bảo lãnh tại các Chứng thư bảo lãnh số 1338.1/BL-CNT-TCKT; số 1341.1/BL-CNT-TCKT ngày 16/6/2009 và công văn số 3364/CNT-TCKT ngày 03/12/2014 về việc điều chỉnh đơn vị được bảo lãnh, Tổng Công ty Công nghiệp T chỉ đồng ý nghĩa vụ bảo lãnh đối với số tiền nợ gốc là 77.783.000.000 đồng mà không đồng ý trả nợ thay đối với số tiền lãi.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Tài chính TNHH MTV Công nghiệp T trình bày:***

Không có ý kiến về quá trình ký kết, thực hiện hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp giữa nguyên đơn và bị đơn. Đề nghị Tòa án xét xử theo quy định pháp luật.

Công ty Tài chính TNHH MTV Công nghiệp T (VFC) đã cho Công ty TNHH MTV Công nghiệp T Nha Trang vay vốn để thực hiện Dự án nâng cao năng lực sản xuất nhà máy đóng tàu C theo Hợp đồng tín dụng số 07/NN ngày 26/6/2007 và phụ lục hợp đồng số 07/NN/01 ngày 06/3/2008. Để đảm bảo cho khoản vay, Công ty TNHH MTV Công nghiệp T Nha Trang đã thế chấp toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay cho VFC theo hợp đồng thế chấp số 367/TCTS ngày 06/03/2008, phụ lục hợp đồng thế chấp số 01-367/TCTS ngày 14/07/2010 trong đó có 02 bộ cổng trục 60T thuộc gói thầu 8B của Dự án nâng cao năng lực sản xuất nhà máy đóng tàu C. Tổng số tiền VFC đã giải ngân vào 02 bộ cổng trục này là 10 tỷ đồng, được đảm bảo bằng 631.813,63 USD. VFC đã thực hiện đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định đối với các tài sản này tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hà Nội theo đơn đăng ký số AT08005423BD ngày 19/06/2008 và đơn yêu cầu thay đổi nội dung đã đăng ký số AT10018243BD ngày 23/12/2010.

Tính đến thời điểm 28/02/2021, dư nợ của khoản vay Phụ lục Hợp đồng tín dụng chuyển nợ PL02-02/2016/CN-600tr là 6.497.019,29 USD tương đương 149.431.443.670 VNĐ (tạm tính theo tỷ giá 23.000VND/USD).

Theo đơn khởi kiện ngày 14/05/2019 của Ngân hàng P(VDB), VFC được biết: Trong số các tài sản mà VDB nhận đảm bảo cho nghĩa vụ nợ của Công ty TNHH MTV Đóng tàu C có 02 cổng trục 60T. Tuy nhiên, các tài sản này Công ty TNHH MTV Đóng tàu C đã thế chấp cho VFC theo hợp đồng thế chấp số 367/TCTS ngày 06/03/2008 và phụ lục hợp đồng thế chấp số 01-367/TCTS ngày 14/07/2010, VFC cũng đã đăng ký giao dịch đảm bảo đối với các tài sản này từ thời điểm 19/06/2008.

Như vậy, 02 cổng trục 60T nêu trên đã được Công ty TNHH MTV Đóng tàu C thế chấp cho VFC theo đúng quy định của pháp luật, tại thời điểm VFC nhận thế chấp và đăng ký giao dịch đảm bảo, tài sản này không có tranh chấp với VDB. Các tài sản thế chấp này đã được VFC đăng ký giao dịch đảm bảo trước khi VDB nhận thế chấp. Vì vậy, theo đúng quy định của pháp luật về thứ tự đăng ký giao dịch đảm bảo VFC sẽ được ưu tiên thanh toán trước VDB. Vì vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của VFC, với tư cách là bên có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, VFC kính đề nghị Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án xem xét ưu tiên xử lý các tài sản thế chấp trên cho VFC để đảm bảo thanh toán một phần nghĩa vụ khoản vay của Công ty TNHH MTV Đóng tàu C tại VFC trước VDB theo thứ tự đăng ký giao dịch đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH MTV Công nghiệp T Nha Trang trình bày:***

Thống nhất với trình bày của bị đơn và không có ý kiến gì khác. Công ty TNHH MTV Công nghiệp T Nha Trang không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

Bản án số 01/2021/KDTM-ST ngày 27 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa đã căn cứ vào các Điều 122, 290, 319, 305, 320, 323, 324, 342, 343, 348, 349, 350, 351, 361, 363, 471, 474, 476 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 54 Luật các tổ chức tín dụng 1997.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng PViệt Nam. Buộc Công ty TNHH Một thành viên Đóng tàu C phải thanh toán cho Ngân hàng Psố tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 20/4/2021 là: 98.165.500.034 đồng (Chín mươi tám tỷ, một trăm sáu mươi lăm triệu, năm trăm nghìn, không trăm ba mươi bốn đồng); trong đó nợ gốc: 77.783.000.000 đồng, nợ lãi: 20.382.500.034 đồng.

Kể từ ngày 21/4/2021, bị đơn còn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất trong hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết trên số tiền vốn vay chưa thanh toán.

Trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Pđược quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp là: Cẩu chân đế 120T (01 bộ), cổng trục (04 bộ), cẩu chân đế 50T (01 bộ) để bảo đảm việc thu hồi nợ. Các tài sản thế chấp được mô tả chi tiết trong các Hợp đồng thế chấp 01/2009/HĐTCTS-

NHPT ngày 16/6/2009, số 02/2009/HĐTCTS-NHPT ngày 16/6/2009 giữa Chi nhánh Ngân hàng PKhánh Hòa (nay là Chi nhánh Ngân hàng Pkhu vực Khánh Hòa – Ninh Thuận) và Công ty Công nghiệp T Nha Trang (nay được kế thừa bởi Công ty TNHH Một thành viên Đóng tàu C); Hợp đồng kinh tế số 01CR1/QT-NT ngày 19/01/2008 giữa Công ty Công nghiệp T Nha Trang với Xí nghiệp cơ khí Quang Trung và được xem xét, thẩm định theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 23/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố C.

Trường hợp tài sản thế chấp không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Tổng Công ty Công nghiệp T có trách nhiệm trả nợ thay cho Công ty TNHH Một thành viên Đóng tàu C toàn bộ số tiền còn nợ Ngân hàng PViệt Nam.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 24/5/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 456/QĐKNPT-VKS-KDTM đối với Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2021/KDTM-ST ngày 27/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố C, theo hướng sửa một phần bản án sơ thẩm: xác định khoản tiền lãi sau ngày xét xử sơ thẩm; về xử lý tài sản thế chấp: theo thứ tự đăng ký giao dịch bảo đảm, VFC là bên được ưu tiên thanh toán khi xử lý tài sản bảo đảm là 02 bộ cổng trục 60T.

Ngày 07/5/2021, Công ty Tài chính Công nghiệp T (VFC) có đơn kháng cáo, đề nghị Tòa cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm: không chấp nhận yêu cầu cho của Ngân hàng Pđược quyền xử lý tài sản thế chấp của Công ty TNHH MTV Đóng tàu C đã thế chấp tại VFC, trong trường hợp xử lý tài sản thế chấp đề nghị Tòa án xem xét ưu tiên xử lý tài sản là 02 bộ cổng trục 60T cho VFC để đảm bảo thanh toán một phần nghĩa vụ khoản vay của Công ty TNHH MTV Đóng tàu C tại VFC trước VDB theo thứ tự đăng ký giao dịch đảm bảo.

Ngày 11/5/2021, Tổng Công ty Công nghiệp T có đơn kháng cáo, đề nghị Tòa cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm: không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Pbuộc Tổng Công ty Công nghiệp T thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty TNHH MTV Đóng tàu C về khoản tiền nợ lãi.

Phát biểu tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa:

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa, kháng cáo của Công ty Tài chính TNHH MTV công nghiệp T, không chấp nhận kháng cáo của Tổng công ty Công nghiệp T Việt Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.] Về tố tụng:

Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa và đơn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Tổng Công ty Công nghiệp T, Công ty TNHH MTV Tài chính Công nghiệp T trong hạn luật định và đúng trình tự thủ tục mà Bộ luật Tố tụng dân sự quy định nên Hội đồng xét xử xem xét kháng cáo, kháng nghị đối với bản án sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Quá trình thực hiện các Hợp đồng tín dụng (HĐTD), do Công ty TNHH MTV Đóng tàu C vi phạm nghĩa vụ thanh toán; Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm đã quyết định: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng P Việt Nam; buộc Công ty TNHH MTV Đóng tàu C phải thanh toán cho Ngân hàng Psố tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 20/4/2021 là: 98.165.500.034 đồng; trong đó nợ gốc: 77.783.000.000 đồng, nợ lãi: 20.382.500.034 (lãi trong hạn: 693.240.988 đồng, lãi quá hạn: 19.689.259.046 đồng) là phù hợp với các điều khoản đã ký kết tại các HĐTD, Hợp đồng kế thừa quyền và nghĩa vụ giữa Công ty Công nghiệp T Nha Trang với Công ty TNHH MTV Đóng tàu C và đúng với quy định Luật Các tổ chức tín dụng.

[2.2]. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm tuyên: "Kể từ ngày 21/4/2021, bị đơn còn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất trong hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết trên số tiền vốn vay chưa thanh toán" mà không đề cập đến khoản lãi trong hạn là không đúng với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Theo quy định của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi "của số tiền còn phải thi hành án". Số tiền còn phải thi hành án quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP bao gồm nợ gốc chưa trả và lãi trong hạn trên nợ gốc chưa trả. Việc Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên buộc bị đơn phải chịu khoản tiền lãi đối với số lãi trong hạn phát sinh số tiền 693.240.988 đồng là không đúng.

[2.3]. Theo các Chứng thư bảo lãnh số 1338.1/BL-CNT-TCKT và số 1341.1/BL-CNT-TCKT ngày 16/6/2009 của Tập đoàn Công nghiệp T Việt Nam (nay là Tổng Công ty Công nghiệp T), Tổng Công ty Công nghiệp T bảo lãnh cho Công ty Công nghiệp T Nha Trang (sau này điều chỉnh đơn vị được bảo lãnh bởi Công ty TNHH MTV Đóng tàu C) số tiền được bảo lãnh vay nợ gốc 77.783.000.000 đồng, với lãi suất 6,9%/năm.

Do đó, bản án sơ thẩm tuyên: Trường hợp tài sản thế chấp sau khi được xử lý không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH MTV Đóng tàu C thì Tổng Công ty Công nghiệp T có trách nhiệm trả nợ thay cho Công ty TNHH MTV Đóng tàu C toàn bộ số tiền còn nợ Ngân hàng P là đúng với quy định Điều 363 Bộ luật Dân sự năm 2005. Kháng cáo của Tổng Công ty Công nghiệp T chỉ đồng ý bảo lãnh cho Công ty TNHH MTV Đóng tàu C trong phạm vi số tiền nợ gốc là không có cơ sở chấp nhận.

[2.4]. Về xử lý tài sản thế chấp:

Để đảm bảo cho khoản vay Dự án nâng cao năng lực sản xuất NMĐT C theo HĐTD số 01/2009/HĐTDĐT-NHPT ngày 16/6/2009, giữa Chi nhánh Ngân hàng PKhánh Hòa và Công ty Công nghiệp T Nha Trang ký HĐTC tài sản số 01/2009/HĐTCTS-NHPT ngày 16/6/2009. Toàn bộ tài sản thế chấp hình thành từ vốn vay gồm: Cẩu chân đế 120T (01 bộ) và cổng trục (04 bộ); được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 08/7/2009.

Trước đó, Công ty Tài chính Công nghiệp T (VFC) đã cho Công ty Công nghiệp T Nha Trang vay vốn theo HĐTD số 07/NN ngày 26/6/2007. Công ty Công nghiệp T Nha Trang thế chấp toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay cho VFC theo HĐTC số 367/TCTS ngày 06/3/2008, phụ lục HĐTC số 01-367/TCTS ngày 14/7/2010.

Theo HĐTC số 367/TCTS ngày 06/3/2008, Đơn yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 19/6/2008, trong tổng số 92 danh mục tài sản Công ty Công nghiệp T Nha Trang dùng để thế chấp cho VFC có tài sản là 01 cẩu chân đế 120T và 04 bộ cổng trục 60T. Tại phụ lục HĐTC số 01-367/TCTS ngày 14/7/2010 và Đơn yêu cầu đăng ký thay đổi nội dung đã đăng ký ngày 23/12/2010, trong số tài sản thế chấp có 02 bộ cổng trục 60T. Tại Đơn yêu cầu đăng ký thay đổi nội dung đã đăng ký ngày 04/10/2011, tài sản thế chấp có sự thay đổi: 01 cẩu chân đế 120T được thay thế bằng 01 cổng trục 200T. Như vậy, qua các lần đăng ký thay đổi nội dung đã đăng ký trước đây, thì 02 bộ cổng trục 60T vẫn thuộc một trong những tài sản thế chấp đã đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 19/6/2008, tức trước ngày VDB nhận thế chấp và đăng ký giao dịch bảo đảm.

Tại thời điểm ký hợp đồng thế chấp tài sản số 367-TSTC vào ngày 06/3/2008, VFC và Công ty Công nghiệp T Nha Trang đã xác định danh mục các tài sản được thế chấp cho VFC, gồm: 90 loại tài sản hình thành trong tương lai và 02 loại tài sản đã hình thành đưa vào sử dụng. Theo khoản 1.2 Điều 1, khoản 1.3 Điều 3 và khoản 6.1 Điều 6 của HĐTC số 367-TSTC ngày 06/3/2008 các bên thỏa thuận: toàn bộ tài sản thế chấp hình thành từ vốn vay của VFC, sau khi bên thế chấp thực hiện xong quá trình đầu tư (đã được hình thành và đưa vào sử dụng), hai bên lập phụ lục hợp đồng xác định chi tiết đặc điểm và giá trị tài sản hình thành từ vốn vay. Đồng thời tại Điều 1 Phụ lục HĐTC số 01-367/TCTS ngày 14/7/2010 hai bên thỏa thuận: thống nhất xác định chi tiết tài sản thế chấp đã hình thành từ vốn vay theo HĐTC số 367-TCTS. Do vậy, phụ lục Hợp đồng thế chấp số 01-367/TCTS chỉ có ý nghĩa để hai bên xác định giá trị tài sản đã hình thành mà không làm thay đổi tài sản thế chấp. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 342 Bộ luật dân sự năm 2005, Hợp đồng thế chấp số 367-TSTC ngày 06/3/2008 có hiệu lực pháp luật, trong đó có tài sản thế chấp là 02 bộ cổng trục 60T và tài sản này cũng đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 19/6/2008.

Mặt khác, trong quá trình Tòa án giải quyết tranh chấp, tại Công văn số 54/CST-TCKT ngày 13/8/2019 của Công ty Công nghiệp T Nha Trang gửi cho VFC, Công ty Công nghiệp T Nha Trang thừa nhận: cần cẩu chân đế 120T và 02 cổng trục 60T đã được thế chấp cho khoản vay tại VFC và để thực hiện cam kết với VDB về việc thế chấp các tài sản là cẩu chân đế 120T và 02 cổng trục 60T, Công ty

Công nghiệp T có văn bản số 47A/NTSICO-TCK ngày 08/9/2011 đề nghị với VFC được thay đổi tài sản thế chấp cẩu chân đế 120T bằng cổng trục 200T để đảm bảo món nợ 12 tỷ đồng đã giải ngân tại VFC mà không nêu rõ trong 12 tỷ đồng đó gồm 01 cần cẩu chân đế 120T và 02 cổng trục 60T. Do vậy, ngày 26/9/2011, giữa VFC và Công ty Công nghiệp T Nha Trang có ký phụ lục số 02-367/TCTS về việc: thay thế tài sản thế chấp cho khoản vay gói thầu số 8B "cần cẩu chân đế 120T" bằng tài sản gói thầu 8A "cổng trục 200T" mà không thay thế cho 02 cổng trục 60T.

Từ những phân tích trên, cho thấy 02 bộ cổng trục 60T (chiếc số 01 và số 02) đã được Công ty Công nghiệp T Nha Trang thế chấp cho VFC theo HĐTC số 367-TCTS ngày 06/3/2008 và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 19/6/2008.

Xét về thứ tự đăng ký giao dịch bảo đảm thì VFC đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 19/6/2008, tức trước ngày VDB đăng ký giao dịch bảo đảm (ngày 08/7/2009). Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 325 Bộ luật Dân sự năm 2005, VFC được ưu tiên thanh toán khi xử lý tài sản bảo đảm.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định VDB được ưu tiên thanh toán trước VFC đối với 02 bộ cổng trục 60T là không đúng với thực tế quá trình thực hiện hợp đồng thế chấp.

Tòa án cấp sơ thẩm nhận định: Công ty Tài chính Công nghiệp T không có yêu cầu độc lập trong vụ án về việc giải quyết tranh chấp Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp nên Hội đồng xét xử không xét (đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp) là không đúng với quy định tại khoản 3 Điều 324 Bộ luật Dân sự năm 2005 (nay là khoản 3 Điều 296 Bộ luật Dân sự năm 2015), ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty Tài chính Công nghiệp T.

Từ nhận định cho thấy kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa và kháng cáo của Công ty Tài chính Công nghiệp T về xử lý tài sản thế chấp (02 bộ cổng trục 60T) là có căn cứ, cần được chấp nhận. Trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì VDB được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp là: cẩu chân đế 120T (01 bộ), cổng trục 60T (04 bộ), cẩu chân đế 50T (01 bộ); trong đó: ưu tiên thanh toán trước cho VFC khi xử lý 02 bộ cổng trục 60T.

[2.5] Xét ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.6] Về án phí phúc thẩm:

- Công ty Tài chính TNHH một thành viên Công nghiệp T không phải nộp án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Trả lại cho Công ty tài chính TNHH một thành viên Công nghiệp T số tiền tạm ứng án phí 2.000.000 đồng theo các Biên lai số AA/2021/0006513 ngày 25/6/2021 (số tiền 1.700.000 đồng) và Biên lai tạm ứng án phí số AA/2021/0006505 ngày 22/6/2021 (số tiền 300.000 đồng) của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C.

- Tổng công ty Công nghiệp T phải nộp 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các Biên lai tạm ứng án phí số AA/2021/0006514 ngày 25/6/2021 (số tiền 1.700.000 đồng)

và Biên lai số AA/2021/0006506 ngày 22/6/2021 (số tiền 300.000 đồng) của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự-Sửa một phần bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2021/KDTM-ST ngày 27/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố C.

Căn cứ các Điều 30, 147, 157, 235, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 122, 290, 319, 305, 320, 323, 324, 342, 343, 348, 349, 350, 351, 361, 363, 471, 474, 476 Bộ luật Dân sự 2005;

- Điều 54 Luật các tổ chức tín dụng 1997;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**** Tuyên xử*:**

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng P Việt Nam. Buộc Công ty TNHH Một thành viên Đóng tàu C phải thanh toán cho Ngân hàng Psố tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 20/4/2021 là: **98.165.500.034 đồng** (Chín mươi tám tỷ, một trăm sáu mươi lăm triệu, năm trăm nghìn, không trăm ba mươi bốn đồng); trong đó nợ gốc: 77.783.000.000 đồng, nợ lãi: 20.382.500.034 đồng.

Kể từ ngày 21/4/2021, bị đơn còn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất trong hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết trên số tiền nợ gốc và khoản tiền lãi trong hạn đối với số tiền 693.240.988 đồng chưa thanh toán.

Trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Pđược quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp là: Cẩu chân đế 120T (01 bộ), cổng trục (04 bộ), cẩu chân đế 50T (01 bộ) để bảo đảm việc thu hồi nợ. Các tài sản thế chấp được mô tả chi tiết trong các Hợp đồng thế chấp 01/2009/HĐTCTS-NHPT ngày 16/6/2009, số 02/2009/HĐTCTS-NHPT ngày 16/6/2009 giữa Chi nhánh Ngân hàng PKhánh Hòa (nay là Chi nhánh Ngân hàng Pkhu vực Khánh Hòa – Ninh Thuận) và Công ty Công nghiệp T Nha Trang (nay được kế thừa bởi Công ty TNHH Một thành viên Đóng tàu C); Hợp đồng kinh tế số 01CR1/QT-NT ngày 19/01/2008 giữa Công ty Công nghiệp T Nha Trang với Xí nghiệp cơ khí Quang Trung và được xem xét, thẩm định theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 23/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố C; trong đó: ưu tiên thanh toán trước cho Công ty Tài chính TNHH MTV công nghiệp T khi xử lý 02 bộ cổng trục 60T.

Trường hợp tài sản thế chấp không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Tổng Công ty Công nghiệp T có trách nhiệm trả nợ thay cho Công ty TNHH Một thành viên Đóng tàu C toàn bộ số tiền còn nợ Ngân hàng P(bao gồm cả gốc và lãi).

2. Về án phí và chi phí tố tụng:

- Công ty TNHH Một thành viên Đóng tàu C phải chịu 206.165.000 đồng (Hai trăm không sáu triệu, một trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Hoàn lại cho Ngân hàng P số tiền tạm ứng án phí là 93.965.000 đồng (Chín mươi ba triệu, chín trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0000464 ngày 07/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C.

- Công ty TNHH Một thành viên Đóng tàu C phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền là 3.900.000 đồng (Ba triệu chín trăm nghìn đồng). Công ty TNHH Một thành viên Đóng tàu C có trách nhiệm hoàn lại số tiền này cho Ngân hàng P Việt Nam.

- Công ty Tài chính TNHH một thành viên Công nghiệp T không phải nộp án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Trả lại cho Công ty Tài chính TNHH một thành viên Công nghiệp T số tiền tạm ứng án phí 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) theo các Biên lai số AA/2021/0006513 ngày 25/6/2021 (số tiền 1.700.000 đồng) và Biên lai số AA/2021/0006505 ngày 22/6/2021 (số tiền 300.000 đồng) của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C.

- Tổng công ty Công nghiệp T phải nộp 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo các Biên lai số AA/2021/0006514 ngày 25/6/2021 (số tiền 1.700.000 đồng) và Biên lai số AA/2021/0006506 ngày 22/6/2021 (số tiền 300.000 đồng) của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C.

3. Quy định chung: *Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự*.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- TAND thành phố C;
- Chi cục THADS thành phố C;
- Lưu HS, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Công Đường